

Số: 3157/BTC - TTr

V/v thực hiện và báo cáo công
tác THPTK,CLP

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2010

- Kính gửi: - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
- Các Tập đoàn, Tổng công ty 91

Thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Chương trình hành động của Chính phủ về thực hành, tiết kiệm chống lãng phí (THPTK,CLP), Bộ Tài chính đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các Tập đoàn, Tổng công ty 91 triển khai xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch THPTK,CLP gắn với việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội hàng năm. Năm 2010 cần tập trung vào các lĩnh vực, nhiệm vụ sau:

- Việc thực hiện các giải pháp, chính sách kích cầu đầu tư và tiêu dùng, các Chương trình mục tiêu quốc gia;
- Việc đầu tư xây dựng cơ bản, đặc biệt là công tác quy hoạch, kế hoạch và quyết định chủ trương đầu tư;
- Việc quản lý, sử dụng đất, tài nguyên thiên nhiên;
- Việc quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động và cải cách hành chính, đặc biệt là đơn giản hoá thủ tục hành chính;
- Việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các Tập đoàn, Tổng công ty 91 thực hiện đánh giá kết quả THPTK,CLP, tổng hợp báo cáo theo nội dung, tiêu chí nêu trong Đề cương và mẫu biểu gửi kèm theo công văn này, gửi về Bộ Tài chính (đồng thời gửi file dữ liệu theo địa chỉ thư điện tử thanhtra6@mof.gov.vn) để tổng hợp, trình Chính phủ báo cáo Quốc Hội theo quy định: Báo cáo Quý gửi trước ngày 15 của tháng đầu quý sau; Báo cáo năm gửi trước ngày 15/9 (Bộ Tài chính thống kê thời gian gửi báo cáo năm 2009 của các đơn vị tại bảng kê kèm theo)./ *mv*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TTr.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Phạm Sỹ Danh

09.59.5308



KẾT QUẢ CÔNG TÁC THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG Lãng PHÍ

Kỳ báo cáo: ... (Quý, năm) ...

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Tổng cộng	Số liệu năm trước (từ 01/9 đến 31/12)	Số liệu năm báo cáo				Ghi chú
					Cộng	Quý I	Quý II	Quý III (từ 01/7 đến 31/8)	
1	2	3	4 = 5+6	5	6=7+8+9	7	8	9	10
1	TRONG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (NSNN)								
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN								
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng							
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, liên lạc của Chính phủ	triệu đồng							
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng							
1.4	Các nội dung khác								
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN								
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính								Số tiền tiết kiệm xác định trên cơ sở dự toán được duyệt: các khoản chi được duyệt
	<i>Tiết kiệm văn phòng phẩm</i>	<i>triệu đồng</i>							
	<i>Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc</i>	<i>triệu đồng</i>							
	<i>Tiết kiệm sử dụng điện</i>	<i>triệu đồng</i>							
	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	<i>triệu đồng</i>							
	<i>Tiết kiệm nước sạch</i>	<i>triệu đồng</i>							
	<i>Tiết kiệm công tác phí</i>	<i>triệu đồng</i>							
	<i>Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo</i>	<i>triệu đồng</i>							
	<i>Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm</i>	<i>triệu đồng</i>							
	<i>Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị</i>	<i>triệu đồng</i>							
	<i>làm việc - phương tiện thông tin, liên lạc</i>								
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)								
	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại	triệu đồng							
	Cạnh phí tiết kiệm được								
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự toán</i>	<i>triệu đồng</i>							
	<i>Pha, học dẫn thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	<i>triệu đồng</i>							

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Tổng cộng	Số liệu năm trước (từ 01/9 đến 31/12)	Số liệu năm báo cáo				Ghi chú
					Cộng	Quý I	Quý II	Quý III (từ 01/7 đến 31/8)	
1	2	3	4 = 5+6	5	6=7+8+9	7	8	9	10
	<i>Thương thảo hợp đồng</i>	triệu đồng							
	<i>Các nội dung khác</i>								
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng							tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng							
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng							
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ								
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị							
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị							
3.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng							
4	Các nội dung khác								
II	ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG NSNN, TIỀN, TÀI SẢN NHÀ NƯỚC								
1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án							
2	Số kinh phí tiết kiệm được	triệu đồng							
	- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng							
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng							
	- Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng							
	- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng							
3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng							
4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án							
5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ								
	<i>Số lượng</i>	dự án							
	<i>Giá trị đầu tư phải thanh toán</i>	triệu đồng							
6	Các nội dung khác								
III	QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, NHÀ CÔNG VỤ CỦA CƠ QUAN SỬ DỤNG NSNN, CÔNG TRÌNH PHÚC LỢI CÔNG CỘNG								
1	Trụ sở làm việc								
1.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m ²							
1.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m ²							
1.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m ²							

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Tổng cộng	Số liệu năm trước (từ 01/9 đến 31/12)	Số liệu năm báo cáo				Ghi chú
					Cộng	Quý I	Quý II	Quý III (từ 01/7 đến 31/8)	
1	2	3	4 = 5+6	5	6=7+8+9	7	8	9	10
1.1	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2							
1.2	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2							
1.3	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng							
2	Nhà công vụ								
1.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có dấu ký	m2							
1.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2							
1.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2							
1.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2							
1.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2							
1.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng trụ sở	triệu đồng							
A	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)								
1.1	Số lượng phương tiện hiện có dấu ký	chiếc							
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc							
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc							
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc							
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng							
4	Tài sản khác								
1.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản							
1.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản							
1.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng							
5	Các nội dung khác								
IV	QUẢN LÝ, KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN								
1	Quản lý, sử dụng đất								
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hoá, có vi phạm pháp luật	m2							

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Tổng cộng	Số liệu năm trước (từ 01/9 đến 31/12)	Số liệu năm báo cáo				Ghi chú
					Cộng	Quý I	Quý II	Quý III (từ 01/7 đến 31/8)	
1	2	3	4 = 5+6	5	6=7+8+9	7	8	9	10
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hoá đã xử lý, thu hồi	m ²							
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng							
1.4	Các nội dung khác								
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác								
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ							
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng							
3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được								
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án							
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng							
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt								
4	Các nội dung khác								
V	TRONG ĐÀO TẠO, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG LAO ĐỘNG VÀ THỜI GIAN LAO ĐỘNG, CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRONG KHU VỰC NHÀ NƯỚC								
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, đào tạo, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ							
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng							
3	Số lượng thủ tục hành chính không cần thiết đã cắt giảm	thủ tục							
	<i>(Nếu danh mục chi tiết các thủ tục hành chính đã cắt giảm và đánh dấu (X) vào cột tương ứng thời điểm cắt giảm)</i>								
4	Các nội dung khác								
VI	QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN, TÀI SẢN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP								
1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh								
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng							
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng							
	<i>Tiết kiệm điện</i>	Kw/h							
	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	Tấn (lít)							

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Tổng cộng	Số liệu năm trước (từ 01/9 đến 31/12)	Số liệu năm báo cáo				Ghi chú
					Cộng	Quý I	Quý II	Quý III (từ 01/7 đến 31/8)	
1	2	3	4 = 5+6	5	6=7+8+9	7	8	9	10
1	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng							
1.1	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng							
2	Quản lý đầu tư xây dựng								
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án							
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án							
	Chi phí đầu tư tiết kiệm được								
	thêm danh phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng							
	thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng							
	thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng							
	thêm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng							
2.3	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn								
	Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật	dự án							
	Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật	triệu đồng							
2.5	Các nội dung khác								
3	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN								
	Số tiền tiết kiệm được	triệu đồng							
	Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt	triệu đồng							
	Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí	triệu đồng							
4	Mua sắm tài sản, phương tiện								
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con								
	Số lượng xe đầu kỳ	chiếc							
	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	chiếc							
	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	chiếc							
	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	chiếc							
	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	triệu đồng							
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc							
	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	chiếc							
	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	triệu đồng							
5	Nợ phải thu khó đòi								
	Số đầu kỳ	triệu đồng							
	Số cuối kỳ	triệu đồng							
6	Vốn chủ sở hữu								

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Tổng cộng	Số liệu năm trước (từ 01/9 đến 31/12)	Số liệu năm báo cáo				Ghi chú
					Cộng	Quý I	Quý II	Quý III (từ 01/7 đến 31/8)	
1	2	3	4 = 5+6	5	6=7+8+9	7	8	9	10
	Số đầu năm	triệu đồng							
	Số cuối kỳ	triệu đồng							
VII	TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THANH TRA, KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ THTK,CLP								
1	Số lượng các cuộc thanh tra, kiểm tra liên quan đến THTK,CLP đã triển khai, thực hiện	cuộc							
2	Số lượng các cuộc thanh tra, kiểm tra liên quan đến THTK,CLP đã hoàn thành	cuộc							
3	Số lượng cơ quan, tổ chức được thanh tra, kiểm tra	đơn vị							
4	Số lượng cơ quan, tổ chức có lãng phí, vi phạm pháp luật về THTK,CLP phát hiện được	đơn vị							
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	triệu đồng							
6	Giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng							
7	Số lượng người bị xử lý do gây lãng phí hoặc vi phạm pháp luật về THTK,CLP	người							
7.1	Xử lý hành chính, kỷ luật	người							
7.2	Xử lý hình sự	người							

• CHÚ THÍCH:

- Số liệu báo cáo hàng Quý cập nhật vào cột tương ứng; số liệu báo cáo Năm phản ánh vào cột (4) là số liệu tổng hợp từ ngày 01/9 năm trước đến ngày 31/8 năm báo cáo.
- Cơ quan lập báo cáo căn cứ thực tế công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và phạm vi trách nhiệm quản lý được giao để tổng hợp số liệu theo các mục tương ứng trong cột (2) "Nội dung" và các cột tương ứng với kỳ báo cáo.
- Việc xác định số liệu về tiết kiệm, lãng phí, vi phạm căn cứ trên cơ sở quy định, hướng dẫn của Luật Thực hành, tiết kiệm, chống lãng phí và các văn bản pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật; các chế độ, tiêu chuẩn, định mức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)